

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21-8-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X - LÀO CAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh;

2. Ông Lục Văn Chàng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực X - Lào Cai.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực X - Lào Cai tham gia phiên tòa:** Ông Tráng A Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực X - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2025/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị S T D, sinh năm 1996.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn L T, xã L T, huyện S, tỉnh Lào Cai (Nay là thôn L T, xã L P, tỉnh Lào Cai) - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh S S L, sinh năm 1987.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn L T, xã L T, huyện S, tỉnh Lào Cai. (Nay là thôn L T, xã L P, tỉnh Lào Cai). Hiện đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy số 1 tỉnh Lào Cai. Địa chỉ: Thôn L M, xã X Q, huyện B T, tỉnh Lào Cai. (Nay là thôn L M, xã X Q, tỉnh Lào Cai) - Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đơn khởi kiện của chị S T D đề ngày 06/6/2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2014 khi đó chưa đăng ký kết hôn, đến ngày 05/11/2014 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã L T, huyện S (nay là xã L P), tỉnh Lào Cai. Sau khi về chung sống cùng nhau được khoảng một năm thì anh L bắt đầu mãi chơi, không

phụ giúp gia đình, chị không nói thì không sao, mà chị nói anh L không được chơi nữa thì anh L lại chửi chị và đập phá đồ đạc. Do biết tính của anh L nên chị không dám nói anh L nhiều. Tuy nhiên, vì anh L mãi chơi nên hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 6/2024, anh L bị Tòa án nhân dân huyện B H, tỉnh Lào Cai ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 15 tháng nay đang chấp hành cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện số 1, tỉnh Lào Cai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L để khi anh L chấp hành cai nghiện bắt buộc trở về chị yên tâm làm ăn nơi khác.

- Về con chung, nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống chị và anh L có 02 (hai) người con chung là S K D, sinh ngày 11/11/2014 và cháu S Đ P, sinh ngày 07/9/2022 các cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường. Khi ly hôn nguyện vọng của chị là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu D và cháu P cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Chị làm nghề trồng trọt ruộng, nương, đi làm thuê thu nhập được khoảng 5.000.000 đồng/ tháng, còn anh L hiện đang đi cai nghiện nên không có thu nhập, chị đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu D và cháu P khi ly hôn mà không anh L không phải cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị D tự nguyện kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã L T năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau bình thường không xảy ra mâu thuẫn gì; việc chị D trình bày anh không chịu khó làm ăn, chửi bới và đập phá đồ đạc là không đúng, có đôi lúc vợ chồng cãi vã về việc làm ăn chứ không thường xuyên cãi nhau, ngày 28 tháng 6 năm 2024 anh đi cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lào Cai thì chị D vẫn vào thăm nom thường xuyên. Nay chị D khởi kiện ly hôn anh thì anh không đồng ý ly hôn, anh mong muốn hai đứa con có đầy đủ bố, mẹ.

- Về con chung, nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống anh và chị D có hai người con chung là cháu S K D sinh ngày 11/11/2014 và cháu S Đ P sinh ngày 07/9/2022, các cháu hiện còn nhỏ nên anh mong muốn các cháu có cả bố và mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về quan hệ tài sản; quyền, nghĩa vụ tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

4.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến Điều 97; trình tự thụ lý, việc giao nhận

thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

4.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; các Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị S T D được ly hôn với anh S S L.

- Về nuôi con khi ly hôn: Giao cả hai cháu S K D sinh ngày 11/11/2014 và cháu S Đ P sinh ngày 07/9/2022 cho chị S T D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu D, Phong đủ 18 tuổi, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

4. 3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn, anh L có địa chỉ nơi cư trú tại xã L T, huyện S, tỉnh Lào Cai (nay là xã L P, tỉnh Lào Cai) do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S (nay là Tòa án nhân dân khu vực X - Lào Cai) theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt cho nguyên đơn, bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng, các đương sự đã trình bày lời khai. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập cho các đương sự, bị đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh L và chị D tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/11/2014 tại UBND xã L T, huyện S, tỉnh Lào Cai. (Nay là UBND xã L P, tỉnh Lào Cai), do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống ban đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc nhưng do anh L mãi chơi, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân chính là từ tháng 6 năm 2024 anh L bị Tòa án nhân dân huyện B H, tỉnh Lào Cai ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, nay chị D không còn tình

nghĩa vợ chồng với anh L, do anh L đi cai nghiện vợ chồng đã sống ly thân gần một năm, không chăm sóc, giúp đỡ nhau, việc đó thể hiện hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[3]. *Về nuôi dưỡng con khi ly hôn*: Quá trình chung sống anh chị có với nhau 02 người con chung là cháu S K D, sinh ngày 11/11/2014 và cháu S Đ P, sinh ngày 07/9/2022 cả hai cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường; nguyện vọng của chị D là được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu D và cháu P, trong thời gian anh L đi cai nghiện chị D ở nhà vẫn trực tiếp nuôi dưỡng tốt cả hai con của anh chị, ngoài ra chị D còn trực tiếp nuôi dưỡng một người con riêng của anh L là cháu S V T trong thời gian anh L đi cai nghiện; cháu D trên 7 tuổi có nguyện vọng được trực tiếp ở với mẹ, cháu P chưa đủ 36 tháng tuổi; hơn nữa hiện tại anh L đang phải đi cai nghiện bắt buộc nên cần giao hai cháu S K D và S Đ P cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Sau này nếu anh L có tranh chấp về việc trực tiếp nuôi con thì có thể yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án riêng. Chị D làm nghề trồng trọt ruộng, nương, đi làm thuê thu nhập được khoảng 5.000.000 đồng/ tháng, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết việc cấp dưỡng.

[4]. *Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản*: Cả chị D và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Do hộ gia đình chị S T D thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị Quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị S T D được ly hôn với anh S S L.

Quan hệ hôn nhân của chị S T D và anh S S L chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn:

Xử giao cháu S K D, sinh ngày 11/11/2014 và cháu S Đ P, sinh ngày 07/9/2022 cho chị S T D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu D và cháu P đủ 18 tuổi. Anh S S L không phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được

cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị S T D được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh S S L không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực X-Lào Cai (2);
- Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai;
- UBND xã L P, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng

